

Số: **19/2020/QĐST - DS**

Đồng Phú, ngày 24 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận Đ với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 26/TLST- DS ngày 11 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự Đ ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:* **Bùi Thị Kim T, sinh năm 1963; Trú tại: Đội 5, Ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh B (có mặt)

Bị đơn:* **Nguyễn Văn Th, sinh năm 1966; Trú tại: Đội 5, Ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh B (có mặt)

Người có quyền L nghĩa vụ liên quan:* **Nguyễn Thị Kim H, sinh 1965 (vợ ông Th); Trú tại: Đội 5, Ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh B (có mặt)

Người có quyền L nghĩa vụ liên quan:* ông **Nguyễn Văn B, sinh năm 1963. ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1966

Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1952 (chồng bà T), ủy quyền cho bà Bùi Thị Kim T, sinh năm 1963

Anh **Trần Hữu L**, sinh năm 1987 (con bà T) ủy quyền cho bà Bùi Thị Kim T, sinh năm 1963.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về phần bị sạt nở và thiệt hại: Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim T; bị đơn ông Nguyễn Văn Th; người có quyền L nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Văn B (do ông Th làm đại diện), ông Trần Văn Đ và anh Trần Hữu L (do bà T làm đại diện) thống nhất là việc sạt nở do gia đình ông Th móc đất san lấp mặt bằng sát ranh, kết hợp với thiên tai (nước mưa) làm sạt nở một phần diện tích giáp ranh đất giữa hai hộ gia đình bà Bùi Thị Kim T và hộ ông Nguyễn Văn B (do ông Nguyễn Văn Th quản lý, sử dụng) phần sạt nở có 02 đoạn, có tổng chiều dài là 38,7 mét và chiều rộng có chỗ rộng nhất là 02 mét, chỗ hẹp nhất là 10cm, có chỗ sạt vào sát ranh đất. Không thiệt hại về tài sản trên đất.

-Về phương thức khắc phục: Các bên đương sự thống nhất là ông Th, bà H có trách nhiệm hỗ trợ cho gia đình bà Bùi Thị Kim T số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để gia đình bà T thực hiện các biện pháp khắc phục việc sạt nở đất.

Bà T, ông Đ, anh L và các thành viên khác trong gia đình có trách nhiệm tự khắc phục việc sạt nở đất đai (như xây bờ kè hoặc trồng cây ngăn sạt nở...), chặt bỏ một số cây trồng sát ranh đất (cây Điều) để hạn chế việc sạt nở đất đai nói trên.

Sau khi nhận tiền hỗ trợ nếu gia đình bà T không làm các biện pháp khắc phục sạt nở đất mà đất đai bị sạt nở tiếp thì gia đình bà T phải tự chịu. Mọi việc sạt nở về sau liên quan đến mảnh đất này gia đình ông Th, bà H, ông B không chịu trách nhiệm.

Các vấn đề khác: Các bên thống nhất là không có.

-Án phí dân sự là 2.500.000 đồng, các bên thống nhất thỏa thuận bà Bùi Thị Kim T nộp, Đ khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 2.500.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0011486, ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh bình Phước.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người Đ thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người Đ thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi Đ ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương